

NHỮNG NHÂN TỐ CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VAI TRÒ CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG VIỆC ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI CHO NGƯỜI DÂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

PGS.TS. NGUYỄN THỊ THU HÀ và ThS. LƯƠNG BÍCH THỦY*

Dẫn nhập

Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO): “An sinh xã hội (ASXH) chỉ sự bảo vệ của xã hội đối với những thành viên của mình, bằng một loạt những biện pháp công cộng, chống đỡ sự hấp hụt về kinh tế và xã hội do bị mất hoặc bị giảm đột ngột nguồn thu nhập vì ốm đau, thai sản, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, tàn tật, tuổi già và chết, kể cả sự bảo vệ chăm sóc y tế và trợ cấp gia đình có con nhỏ.” Hiện nay, hệ thống ASXH của nước ta đang dần dần từng bước hoàn thiện, đối tượng tham gia và thụ hưởng chính sách cũng được mở rộng hơn. Việc thực hiện chính sách ASXH của cả nước nói chung và Đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH) nói riêng đang đạt được những kết quả tích cực, góp phần đáp ứng nhân quyền, thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Công tác xã hội (CTXH) là một trong số những ngành nghề góp phần quan trọng và chủ chốt trong việc đảm bảo nền ASXH của một quốc gia thông qua những vai trò cụ thể: xây dựng, tư vấn và hoạch định các chính sách an sinh; đưa các chính sách ASXH vào thực tiễn nhằm phát huy hiệu quả của những chính sách này; cung cấp những dịch vụ cho những người yếu thế - nhóm đối tượng của ASXH hướng đến. Vai trò CTXH trong việc đảm bảo ASXH cho người dân phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Bài viết dưới đây sẽ phân tích những nhân tố chính ảnh hưởng đến vai trò CTXH trong việc đảm bảo ASXH cho người dân ĐBSH. Những nhân tố chính được xác định có nhiều ảnh hưởng đến vai trò của CTXH trong việc đảm ASXH cho người dân là: *nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, giáo dục và công nghệ, truyền thống văn hóa, đạo đức, quản lý xã hội.*

1. Tác động của nền kinh tế thị trường

Nền kinh tế thị trường nảy sinh nhiều vấn đề trong xã hội đòi hỏi sự can thiệp của CTXH

Nền kinh tế thị trường của nước ta đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển với bao thăng trầm và đã đạt được những thành tựu quan trọng trong thập kỷ gần đây. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực còn tồn tại không ít những điểm hạn chế trong sự phát triển như hiện nay: lạm phát tăng cao ảnh hưởng nghiêm trọng đến ổn định kinh tế vĩ mô; sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn; thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại nặng nề; sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Nhu cầu ASXH, phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường sống và bảo đảm quốc phòng an ninh ngày càng cao trong khi nguồn lực còn hạn hẹp. Đặc biệt phải kể đến là tình trạng thất nghiệp - được coi là bạn đồng hành của nền kinh tế thị trường. Theo số liệu thống kê năm 2013 về tỷ lệ người trong độ tuổi lao động thất nghiệp của Đồng bằng Sông Hồng là 2,65%, đứng thứ hai cả nước sau Đông Nam Bộ (Tổng cục Thống kê, 2013). Thất nghiệp trước hết ảnh hưởng rất lớn đến từng cá nhân và gia đình họ. Mặt khác, một số lượng lớn cá nhân thất nghiệp sẽ gây ảnh hưởng rất lớn đối với xã hội, làm nảy sinh hàng loạt vấn đề. Ngoài những ảnh hưởng về kinh tế thất nghiệp còn gây ra những tổn hại về mặt tinh thần và sức khỏe cho người lao động. Nhiều người thất nghiệp đã phải tự kết thúc cuộc đời mình vì không thể chịu đựng được sự túng quẫn; hoặc nhiều người khác vì không có việc làm đã sa vào cảnh nghiện ngập và phải bán dần tài sản vốn ít ỏi của mình. Chưa kể đến sự hạn chế, thiệt thòi của người dân nghèo khi tiếp cận với các dịch vụ giáo dục và y tế.

Trước những vấn đề xã hội này, CTXH cần phát huy vai trò của mình trong việc góp phần giải quyết hệ quả và đảm bảo an sinh cho người dân:

* Trường ĐHKHXH&NV - ĐHQG Hà Nội

Trước hết, CTXH cần nhận biết và nắm rõ về những vấn đề tồn tại đe dọa an sinh của người dân trong khu vực. Theo Đề án 32/2010/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển nghề CTXH ở Việt Nam giai đoạn 2010-2020, mỗi xã/phường đều có nhân viên xã hội (NVXH) phụ trách. Vì vậy, những vấn đề xã hội nảy sinh trên từng địa bàn sẽ được quản lý chặt chẽ hơn để có những đề xuất, kiến nghị giải pháp kịp thời. Đảm bảo an sinh cho người dân không chỉ giới hạn ở một khía cạnh duy nhất nào, mà là sự đáp ứng tổng hợp các nhu cầu, hay nói cách khác là sự đảm bảo toàn diện. Như vậy, nhân viên CTXH không chỉ nhận biết về những tác động hay vấn đề hiện tại của người dân, mà cần biết dự báo được những hậu quả và ảnh hưởng về tinh thần của những đối tượng chịu ảnh hưởng từ những vấn đề đó gây ra.

Thứ hai, từ thực trạng đó, NVXH cần tăng cường hơn nữa vai trò chủ động trong việc đảm bảo ASXH cho người dân. Chẳng hạn: đối với đối tượng thất nghiệp, NVXH kết nối đến được với những thị trường lao động phù hợp với khả năng của họ; đồng thời vận động, biện hộ chính sách đối với cơ quan sử dụng lao động để có những chính sách phù hợp hơn với người lao động, đảm bảo quyền lợi cho họ. Ví dụ khác: kinh tế thị trường có thể khiến cho nhiều người bị phá sản, họ trở nên túng quẫn nghĩ đến tự tử hoặc buông xuôi thả mình theo những tệ nạn xã hội. Khi đó NVXH cần thực hiện vai trò tham vấn đối với thân chủ.

Tóm lại, những vấn đề xã hội nảy sinh từ hậu quả của nền kinh tế thị trường là điều tất yếu. Việc can thiệp, giải quyết những hệ quả đó là nhiệm vụ của đa ngành, trong đó đóng vai trò quan trọng là CTXH. Tham gia vào trong tiến trình can thiệp này, NVXH cần thể hiện được tính tích cực, chủ động trong công việc bao gồm từ việc nhận biết vấn đề cho đến tìm kiếm và thực hiện giải pháp ASXH. Từ đó mới góp phần đảm bảo được an sinh cho người dân.

Kinh tế thị trường tác động tới hệ giá trị nghề nghiệp của CTXH

Trong xã hội truyền thống trước đây, tuy CTXH đã xuất hiện nhưng chưa trở thành một nghề chuyên nghiệp. Khi đó CTXH rất gần với từ thiện xã hội. Triết lý và giá trị nghề nghiệp của CTXH nhấn mạnh đến tính nhân đạo, coi trọng nhân quyền, tôn trọng giá trị của con người và đặc biệt đề cao giá trị xã hội.

Điểm khác biệt nổi bật trong thời kỳ này chính là ưu thế vượt trội của giá trị xã hội đặt lên trên giá trị cá nhân, giá trị cá nhân được hòa nhập trong giá trị xã hội. Bởi xã hội truyền thống Việt Nam tiêu biểu cho tính cố kết cộng đồng. Mỗi cá nhân trong xã hội đều thực hiện trách nhiệm chung với cộng đồng, làng xóm và người khác. Giá trị cá nhân tuy không bị triệt tiêu nhưng luôn được đặt sau giá trị cộng đồng, hòa lẫn trong giá trị chung của xã hội. Các giá trị xã hội chính là trọng điểm của các hoạt động CTXH. Đồng thời, cộng đồng cũng thể hiện trách nhiệm quan tâm, hỗ trợ các cá nhân trong khó khăn, hoạn nạn. Đó chính là căn nguyên cho một hệ thống ASXH trong bối cảnh xã hội truyền thống (Nguyễn Thị Thu Hà, 2013).

Khi chuyển sang bối cảnh nền kinh tế thị trường, hệ giá trị trên đã có những thay đổi nhất định. Chẳng hạn sự hình thành tự phát các tư tưởng về sự vị kỷ, chạy theo lợi nhuận và hàng loạt những vấn đề khác. Song sự thay đổi đó không hoàn toàn tiêu cực, nó thể hiện sự chú trọng nhiều hơn đến mỗi cá nhân trong xã hội. Những giá trị xã hội và giá trị cá nhân vẫn luôn là trọng tâm của CTXH. Tuy nhiên, thứ bậc ưu tiên giữa hai giá trị trên có sự cân đối lại. Hệ giá trị tập trung vào yếu tố cá nhân nhiều hơn, bên cạnh yếu tố xã hội. Các vấn đề cá nhân ngày càng được quan tâm và đề cao. Vì vậy, các dịch vụ phục vụ nhu cầu trợ giúp cá nhân bắt đầu phát triển phong phú và đa dạng hơn. Nhiều dịch vụ hỗ trợ cá nhân ra đời nhằm chăm sóc sức khỏe thể chất, tâm lý, tâm thần ngày càng được coi trọng và đầu tư. Ví dụ các trung tâm tham vấn cá nhân và gia đình, các dịch vụ chăm sóc sức khỏe... Đối với khu vực ĐBSH - một trong những nơi mà CTXH cá nhân và nhóm phát triển mạnh mẽ - chúng ta có thể dễ dàng tìm đến những địa chỉ trợ giúp cá nhân với nhiều loại hình khác nhau, phù hợp cho từng nhóm đối tượng. Đây là một sự phát triển mới mẻ của CTXH trong việc phát huy vai trò trợ giúp của mình, nhằm hướng đến đảm bảo ASXH nói chung mà hoàn toàn không ảnh hưởng đến giá trị truyền thống của xã hội và giá trị nghề nghiệp.

Mặt khác, trong quy điều đạo đức nghề cũng đề cập đến tính cá biệt hóa: mỗi cá nhân trong xã hội đều mang những đặc trưng tính cách, hoàn cảnh và nhu cầu khác nhau, dù cho họ cùng chung nền văn hóa. Vì vậy, người trợ giúp không thể áp dụng giải pháp giải quyết vấn đề của người này cho vấn đề của người kia, mặc dù vấn đề của hai cá nhân đó có

điểm tương đồng. Cá biệt hóa nhấn mạnh đến sự coi trọng và phát huy năng lực của từng cá nhân, đảm bảo an sinh cho từng thành viên trong xã hội. Điều này cũng thúc đẩy ý thức tự chủ, độc lập và sự tự tin của mỗi cá nhân thông qua vai trò tăng cường năng lực cho thân chủ của CTXH.

Sự thay đổi trong giá trị nghề nghiệp của CTXH dưới tác động của kinh tế thị trường còn thể hiện ở tính đề cao giá trị dịch vụ trong trợ giúp hơn là chỉ đề cập đến giá trị từ thiện. Giá trị dịch vụ đề cao lợi ích của thân chủ (hay còn gọi là khách hàng sử dụng dịch vụ) lên trên lợi ích của bản thân. Nói đến dịch vụ là nói đến sự thụ hưởng và sự chi trả cho việc sử dụng dịch vụ đó. Như vậy, NVXH sẽ có trách nhiệm cung cấp những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng của mình, tương xứng với thù lao mà họ nhận được. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với sự vận hành của nền kinh tế thị trường, nếu coi CTXH cũng là một trong những dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội. Thêm vào đó, sự cạnh tranh - một trong những cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường - sẽ tác động đến sự phát triển các dịch vụ Công tác xã hội. Hay nói cách khác, nếu các dịch vụ (bao gồm cả công và tư) muốn phát triển được thì bắt buộc phải không ngừng đầu tư, nâng cao năng lực đội ngũ NVXH để có thể thu hút khách hàng và cung cấp được dịch vụ tốt nhất cho họ. Từ đó, CTXH sẽ càng trở nên chuyên nghiệp hơn để thực hiện tối ưu vai trò trợ giúp của mình. Điều đó trực tiếp ảnh hưởng đến việc đảm bảo ASXH của quốc gia.

Trước những vấn đề xã hội nảy sinh trong bối cảnh kinh tế thị trường, cùng với sự phát triển của các dịch vụ CTXH trong sự thay đổi hệ giá trị, vai trò biện hộ chính sách cũng cần chuyên nghiệp và phù hợp hơn. NVXH cần nhận diện được các vấn đề nảy sinh đang đe dọa nền ASXH và có định hướng tư vấn nhằm thay đổi các chính sách cho phù hợp để giải quyết các vấn đề đó một cách hợp lý.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện tại, vấn đề lương/thù lao cho NVXH và cộng tác viên CTXH cũng cần được quan tâm.

Nghề nghiệp đối với NVXH không chỉ là giá trị theo đuổi và còn là phương tiện để nuôi sống bản thân và gia đình. Do vậy, nhà nước, cơ quan và những người làm quản lý cũng cần tính toán đến mức lương phù hợp cho NVXH và các cộng tác viên CTXH. Theo Đề án 32 của Thủ tướng Chính phủ, trong giai đoạn 2010 - 2015, bên cạnh việc xây dựng, áp dụng ngạch, bậc lương đối với các viên chức làm CTXH chuyên trách, thì ở mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất từ 1

đến 2 cán bộ, viên chức, nhân viên CTXH thuộc chức danh không chuyên trách hoặc cộng tác viên CTXH với mức phụ cấp hàng tháng bằng mức lương tối thiểu chung. Tuy nhiên, với những cơ sở tư nhân hoặc nước ngoài, mức lương chi trả cho NVXH sẽ khác nhau tùy vào ngân sách và chính sách của từng cơ quan. Như vậy, có thể xảy ra hai chiều hướng như sau, mỗi chiều hướng lại có những tác động nhất định đến việc đảm bảo thực hiện vai trò của nhân viên CTXH:

Chiều hướng thứ nhất, nếu lương/thù lao nhà NVXH nhận được ở mức cao và khá, điều đó sẽ đáp ứng được nhu cầu cuộc sống của NVXH, nhất là trong bối cảnh kinh tế thị trường với những bất ổn tài chính và sự tăng cao trong chi phí sinh hoạt. Từ đó NVXH sẽ yên tâm công tác, phục vụ tốt hơn cho công việc.

Chiều hướng thứ hai, ngược lại nếu lương chi trả cho NVXH thấp, không đáp ứng được nhu cầu cơ bản trong cuộc sống, điều đó sẽ dẫn đến những ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của họ trong công việc. Mặt khác, ở một chừng mực nào đó Nhân viên xã hội cũng là đối tượng trợ giúp trong nền ASXH nói chung. Bởi lẽ, NVXH cũng là một người dân trong xã hội, họ cũng chịu tác động từ bối cảnh của nền kinh tế thị trường, do đó họ cũng có thể gặp những vấn đề cần trợ giúp.

Tóm lại, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đã tạo ra những tác động đáng kể đối với nền ASXH cũng như vai trò của NVXH. Những tác động này bao gồm nhiều chiều cạnh khác nhau, từ những vấn đề xã hội nảy sinh đòi hỏi CTXH tăng cường hơn nữa vai trò chủ động của mình trong trợ giúp và biện hộ chính sách, cho đến những thay đổi trong giá trị nghề nghiệp và sự tác động từ yếu tố tiền lương cho NVXH. Sự thay đổi trong vai trò của CTXH sẽ trực tiếp ảnh hưởng tới việc đảm bảo ASXH cho người dân trong khu vực ĐBSH nói riêng và cả nước nói chung.

2. Tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Song song với sự tác động của nền kinh tế thị trường là những tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đã và đang diễn ra kéo theo quá trình đô thị hóa như hiện nay. Những thành tựu mà quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mang lại đã đưa đất nước ta ngày càng phát triển hơn, góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng và ASXH. Có thể thấy Việt Nam từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, đến nay đã xây dựng được

nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước đáp ứng được nhu cầu phát triển của đất nước; quy mô nền kinh tế tăng nhanh; thu nhập đầu người vượt khỏi ngưỡng thu nhập thấp, đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành nước phát triển có thu nhập trung bình. Đời sống của người dân ở một chừng mực nào đó cũng được đáp ứng tốt hơn, đặc biệt về các dịch vụ chăm sóc, trợ giúp. Theo kết quả từ một cuộc khảo sát tại huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên về ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống của người dân cho thấy: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện giai đoạn 2006-2010, cao hơn hẳn giai đoạn 2000 - 2005. Tổng thu ngân sách năm 2010 ước đạt 178,566 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người tăng nhanh, từ 3,82 triệu đồng năm 2000 đạt 27,2 triệu VNĐ, tương đương 1.394 USD năm 2010. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 5,1% (Nguyễn Thị Hồng Hạnh và cộng sự, 2013).

Cũng giống như sự tác động của nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng tạo nên những vấn đề như ô nhiễm môi trường do các khu công nghiệp xả thải dẫn đến ảnh hưởng và đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe của người dân trong khu vực. Đảm bảo y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân là một trong những lĩnh vực quan trọng mà CTXH cần thực hiện để đảm bảo an sinh cho người dân. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa, từ đó lại nảy sinh các vấn đề liên quan đến sự bùng nổ dân số, tạo nên áp lực lớn cho môi trường tự nhiên và xã hội ở địa phương đó. Ngoài ra, không kém phần nghiêm trọng là tình trạng nông dân thất nghiệp do mất đất nông nghiệp.

Sau khi thu hồi đất, tình trạng việc làm của lao động các hộ bị thu hồi đất là rất đáng báo động, thể hiện ở tỷ lệ lao động đủ việc làm và lao động có việc làm không đầy đủ có xu hướng giảm xuống, tỷ lệ lao động chưa có việc làm tăng lên. Tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp gia tăng mặc dù hiện tại cuộc sống của các hộ gia đình vẫn đảm bảo, do có tiền đền bù từ thu hồi đất và thu nhập từ việc tham gia vào thị trường lao động không chính thức (việc mở cửa hàng tạp hóa, cắt tóc gội đầu hoặc đi xe ôm, đập xích lô...) (Viện Nghiên cứu Khoa học và dạy nghề, 2011).

Chính điều này là nguyên nhân gây ra không ít những vấn đề xã hội và tiềm ẩn những nguy cơ phát triển không bền vững, những tệ nạn xã hội nảy sinh. Từ đó, vai trò của NVXH lại càng cần được tăng cường và phát huy nhiều hơn để góp phần giải quyết

các vấn nạn, hệ quả của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để lại.

Tuy nhiên, nhìn nhận ở nhiều chiều cạnh khác, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng có những tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển của nghề CTXH, cũng như tạo môi trường để NVXH phát huy vai trò:

Thứ nhất, các tổ chức xã hội ra đời với nhiều loại hình khác nhau. Đây là những địa chỉ làm việc cho NVXH. Đặc biệt, khu vực ĐBSH là một trong những khu vực tập trung nhiều trường Đại học và Cao đẳng đào tạo CTXH trong cả nước. Đây cũng là khu vực có hệ thống các tổ chức, cơ quan rất phong phú và đa dạng được phân ra thành những loại hình khác nhau. Đây chính là môi trường giúp nhân viên CTXH có cơ hội thực hiện và phát huy chức năng cũng như vai trò của mình trong việc trợ giúp một cách chuyên nghiệp hơn cho các nhóm đối tượng và cộng đồng. Ví dụ:

✓ Các tổ chức quốc tế: Ủy ban Y tế Hà Lan - Việt Nam (hướng đến hỗ trợ cho người khuyết tật, người nhiễm HIV), Tổ chức Good Neighbors Quốc tế tại Việt Nam (phát triển cộng đồng khó khăn), Tổ chức Tầm nhìn Thế giới (phát triển cộng đồng), Tổ chức Save The Children (hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh khó khăn) và các tổ chức khác.

✓ Các tổ chức, trung tâm tư nhân: Trung tâm Năng Mai (can thiệp cho trẻ tự kỷ), Trung tâm Sao Mai (can thiệp với trẻ khuyết tật trí tuệ), Trung tâm Sống Độc Lập (hỗ trợ người khuyết tật), Viện dưỡng lão Phù Đồng (chăm sóc người cao tuổi), Mạng lưới hỗ trợ bệnh nhân ung thư vú...

✓ Các cơ sở công lập như: các bệnh viện, trường học ngày một phát triển hơn và cần đến sự đóng góp của vai trò nhân viên CTXH.

Đồng thời các tổ chức này cũng là một nguồn lực cung cấp các chương trình trợ giúp cho người dân. Như vậy vai trò huy động nguồn lực và kết nối của NVXH được thực hiện thuận lợi hơn so với trước đây. Sự ra đời của các cơ quan ngày càng phong phú và đa dạng, đa lĩnh vực đã giúp cho CTXH thuận lợi hơn khi kết nối nguồn lực từ các hệ thống trong cộng đồng để trợ giúp con người, đảm bảo an sinh.

Thứ hai, nhiều doanh nghiệp được thành lập, đặc biệt doanh nghiệp xã hội và doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội là những nơi cung cấp việc làm cho người dân. Mỗi doanh nghiệp này cần xây dựng hệ thống chính sách trong quản lý nhân sự, thực hiện bảo hiểm xã hội và đảm bảo phúc lợi xã hội cho người lao động trong doanh nghiệp của mình. Vì

thế, rất cần sự có mặt của NVXH tư vấn để doanh nghiệp có những chính sách phù hợp hơn với người lao động. Khi doanh nghiệp phát triển sẽ đóng góp vào phúc lợi xã hội chung.

Một số doanh nghiệp xã hội và doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội tiêu biểu trong khu vực ĐBSH hiện nay, đã và đang có những đóng góp cho ASXH, thể hiện qua việc tạo việc làm và trợ giúp cho những nhóm khó khăn trong xã hội, có thể kể đến một số doanh nghiệp như: *Trường Trung cấp Kinh tế - Du lịch Hoa Sữa* (Ngôi trường hoạt động với sứ mệnh giúp các thanh niên có hoàn cảnh khó khăn và khuyết tật trên khắp Việt Nam có cơ hội học nghề, tạo dựng cuộc sống độc lập, bình đẳng và được coi trọng trong xã hội, với một số chuyên ngành: làm bánh mì, bánh ngọt, chế biến món ăn; dành ưu tiên cho đối tượng khuyết tật vận động nhẹ và khiếm thính có ngành may vá, thêu thùa); *Doanh nghiệp Tea Talk* (là doanh nghiệp xã hội hướng đến các chương trình hỗ trợ thanh niên Việt Nam), *Doanh nghiệp Donkey Bakery* (là doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội và thường được gọi là tiệm bánh của người khuyết tật, đào tạo và cung cấp việc làm cho người khuyết tật, chủ yếu là khiếm thính), *Doanh nghiệp Joma Bakery Café* (tạo việc làm cho phụ nữ yếu thế)... và nhiều các doanh nghiệp khác đang có nhiều đóng góp trong trợ giúp các nhóm yếu thế. Trong số những doanh nghiệp này đã có rất nhiều doanh nghiệp có sự hoạt động của nhân viên CTXH. Họ đang phát huy khá tốt vai trò của mình dựa trên kiến thức và năng lực nghề nghiệp.

Như vậy, có thể thấy công nghiệp hóa và hiện đại hóa đã có những tác động không nhỏ tới CTXH. Nếu so sánh với những năm trước đây CTXH chưa được biết đến nhiều, thậm chí chưa được hiểu đúng với chức năng và vai trò của nghề chuyên nghiệp, thì cho đến nay, CTXH đã có nhiều cơ hội để phát huy vai trò và đóng góp cho nền an sinh nước ta.

3. Tác động của toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi CTXH Việt Nam cũng phát triển theo xu hướng chung của quốc tế. Từ đó vai trò trợ giúp của NVXH cũng cần được hoàn thiện và trở nên chuyên nghiệp hơn.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi CTXH phát triển theo hướng chuyên nghiệp, từ đào tạo đến thực hành nghề.

Nguồn gốc xa xưa hình thành CTXH tại Việt Nam là truyền thống tương thân tương ái, "lá lành đùm lá rách" của dân tộc ta. Ngày nay, trong bối cảnh hội

nhập quốc tế về mọi mặt, CTXH cũng có những thay đổi cho phù hợp với xu thế chung trên thế giới. Trước hết, một nghề trở thành chuyên nghiệp khi những người làm nghề đó phải được đào tạo một cách bài bản, chứ không còn là hoạt động từ thiện tự phát. Năm 2004, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký đồng ý mở ngành đào tạo CTXH bậc đại học. Đây là một dấu mốc quan trọng với nghề CTXH Việt Nam. Hiện nay trên cả nước đã có hơn 40 trường đại học và cao đẳng đào tạo nghề CTXH; các khóa tập huấn dài hạn và ngắn hạn về CTXH cũng được tiến hành. Tiếp theo sau đó là hàng loạt các văn bản quan trọng khác, tiêu biểu là Đề án phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010 - 2020 (gọi tắt là Đề án 32) của Thủ tướng Chính phủ có ý nghĩa hết sức to lớn. Kèm theo đó là rất nhiều các văn bản khác. Để hội nhập, mỗi nước đều cần có sự thay đổi phù hợp với điều kiện của từng nước nhằm phát huy đúng vai trò của ngành nghề, phù hợp với tài nguyên quốc gia và bắt kịp với xu thế phát triển của thế giới. Và CTXH vẫn đang trong giai đoạn chạy đua với các nước trên thế giới để phát triển là một nghề độc lập trong hệ thống các nghề góp phần đảm bảo ASXH.

Đòi hỏi lớn nhất đối với NVXH là sự chuyên nghiệp trong công việc, theo đó những quy định đạo đức nghề cần được tuân thủ một cách nghiêm ngặt. Sự ra đời của Hội nghề CTXH Việt Nam là một bước ngoặt lớn để CTXH có thể phát triển nhanh hơn, vững chắc hơn trong tiến trình chuyên nghiệp hóa. Tổ chức này có trách nhiệm bảo vệ quyền lợi của NVXH, cũng như kiểm tra tay nghề của họ; đồng thời soạn bộ quy định đạo đức để áp dụng cho NVXH Việt Nam khi thực hiện công việc.

Ngoài ra, để hội nhập với sự phát triển của quốc tế và trợ giúp hiệu quả hơn cho các đối tượng đòi hỏi NVXH phải nắm chắc những phương pháp trợ giúp chuyên nghiệp. Các phương pháp thực hành nghề bao gồm: CTXH với cá nhân, CTXH với nhóm, tổ chức và phát triển cộng đồng; ngoài ra, quản trị và quản lý ca cũng được coi là những phương pháp cơ bản trong CTXH. Bên cạnh đó, để can thiệp được tốt hơn phải vai trò của nghiên cứu khoa học. Bởi vậy, NVXH không chỉ can thiệp giải quyết mà còn cần có phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học về những vấn đề nảy sinh và tồn tại trong xã hội, nghiên cứu về các mô hình ASXH quốc tế cũng như trong nước, nghiên cứu các giải pháp ứng dụng để có thể can thiệp được hiệu quả hơn... Có như vậy NVXH mới có thể phát huy tốt vai trò của mình trong việc đảm bảo ASXH quốc gia.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế giúp cho CTXH và ASXH nước ta được tiếp cận, học hỏi và phát triển các mô hình hiện đại trên thế giới. Từ đó hiện đại hóa CTXH Việt Nam.

Mỗi loại hình CTXH đều liên quan và chịu ảnh hưởng của đặc trưng kinh tế - chính trị - xã hội và đặc biệt là quan điểm triết lý về mô hình ASXH mà nước đó theo đuổi. CTXH Việt Nam cũng tuân theo quy luật này. Vì vậy, để tiếp thu được nhanh chóng và áp dụng hiệu quả trong thực tế, chúng ta cần nhìn nhận và rút kinh nghiệm từ những mô hình của các nước đi trước, biến đổi cho phù hợp với xã hội Việt Nam.

Thứ nhất: Có thể dễ dàng nhận thấy cấu trúc của CTXH Việt Nam có những nét tương đồng với cấu trúc chế độ dịch vụ xã hội của Châu Âu, đó là sự quản lý bao quát và định hướng chính sách tại cấp trung ương thông qua các bộ phận và cơ quan nhà nước. Việc cung cấp dịch vụ CTXH được thực hiện tại cấp chính quyền địa phương. Chính quyền địa phương lại hình thành các trung tâm và văn phòng cấp quận/huyện - đây chính là nơi mà NVXH thực hiện các công việc chuyên môn can thiệp cụ thể. Các dịch vụ mang tính chuyên sâu hơn có thể được cung cấp trong phạm vi rộng cả tỉnh/thành tùy theo nhu cầu. Cách thức cấu trúc dịch vụ CTXH chuyên nghiệp phù hợp nhất là dựa trên tổ chức và các hệ thống dịch vụ xã hội, thông qua đó chính phủ đáp ứng vấn đề phúc lợi xã hội. (PGS.TS. Nguyễn Thị Thu Hà, 2013; tr 126-127).

Thứ hai: Khi bước vào hội nhập, CTXH nước ta đã có những thay đổi rõ rệt dưới sự ảnh hưởng của CTXH thế giới. Cụ thể như sau:

Việt Nam đã học hỏi, xây dựng và nghiêm túc thực hiện những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp từ quy điều đạo đức của các nước đi trước trên thế giới. Đây chính là khía cạnh học hỏi và tiếp biến đầu tiên của CTXH nhằm giúp cho vai trò của nghề được thực hiện một cách chuyên nghiệp hơn.

Chương trình cũng như quá trình đào tạo CTXH của Việt Nam cũng thừa hưởng rất nhiều từ các chương trình đào tạo trên thế giới. Cho đến nay, các nước vẫn đang tiếp tục hỗ trợ Việt Nam đào tạo CTXH ở các bậc học và lĩnh vực khác nhau, từ tập huấn cho đến đại học và sau đại học. Đồng thời cũng cung cấp cho Việt Nam rất nhiều nguồn tư liệu quý báu để học hỏi.

Các mô hình và phương pháp làm việc của CTXH cũng chịu tác động rõ rệt. Thay vì chỉ chú trọng đến

phát triển cộng đồng, thì nay các phương pháp tiếp cận can thiệp cho cá nhân và nhóm ở Việt Nam cũng phát triển mạnh và chuyên sâu hơn. Thay vì duy trì các mô hình bảo trợ như trước đây, thì nay CTXH đang hướng đến mô hình trợ giúp dựa vào cộng đồng theo xu thế chung của quốc tế.

Hệ thống các lý thuyết ứng dụng trong thực hành CTXH hiện nay ở Việt Nam cũng thừa hưởng rất nhiều từ quốc tế. Tất cả những quan điểm và mô hình lý thuyết này chúng ta đều được thừa hưởng từ thế giới và từ đó biến đổi cho phù hợp với bối cảnh can thiệp tại Việt Nam.

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế là cơ hội hình thành và phát triển mạng lưới quốc tế về CTXH.

Hiện nay trên thế giới có rất nhiều các tổ chức chuyên môn trong lĩnh vực CTXH. Tiêu biểu là Hiệp hội Nhân viên CTXH Quốc tế (IFSW), Hiệp hội các trường đào tạo CTXH thế giới (IASSW), và nhiều các tổ chức khác trên thế giới và trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Đây chính là cơ hội để CTXH phát triển chuyên nghiệp và vững chắc hơn, theo kịp các nước trên thế giới.

Ngoài ra, các trường đào tạo CTXH có những hợp tác, liên kết với các quốc gia khác trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm của họ, cũng như cùng hợp tác đào tạo, can thiệp trực tiếp cho đối tượng. Hàng năm đều có các đoàn chuyên gia nước ngoài đến Việt Nam công tác (có thể trong lĩnh vực đào tạo hoặc can thiệp hay nghiên cứu), và ngược lại, Việt Nam cũng gửi cán bộ và NVXH sang đào tạo ở một số nước để học hỏi kiến thức và kinh nghiệm của họ.

Nhìn chung, hội nhập quốc tế đã mang đến nhiều cơ hội tốt cho CTXH Việt Nam. Nếu không có hệ thống mạng lưới CTXH mở và phát triển, thì Việt Nam cũng như các nước đang trong giai đoạn chuyên nghiệp hóa CTXH sẽ khó có cơ hội tiếp cận được với tri thức quốc tế về lĩnh vực này.

4. Tác động của giáo dục và công nghệ

Giáo dục và công nghệ được coi là hai lĩnh vực then chốt và quan trọng, có ảnh hưởng lớn đến không chỉ nghề CTXH nói riêng mà còn nhiều lĩnh vực khác nói chung.

Sự tác động của giáo dục tới CTXH

Với sự phát triển của giáo dục, NVXH được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp hơn ở các trình độ khác nhau. Dấu mốc đầu tiên trong đào tạo CTXH chuyên nghiệp chính là hoạt động của Trường cán sự XH Caritas (1947-1975) do Hội Chữ thập đỏ Pháp hợp

tác với tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn thành lập. Từ năm 1945 - 1975, đào tạo CTXH chủ yếu được thực hiện ở miền nam Việt Nam. Trong khi đó, tại miền bắc đào tạo Công tác xã CTXH tác xã hội khi đó được quan niệm là công tác phong trào của các đoàn thể.

Ở miền Bắc, những trường đầu tiên tham gia đào tạo đại học tại khu vực phía bắc bao gồm: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Lao động Xã hội, Đại học Công đoàn... Hiện nay, có hai đơn vị tham gia đào tạo bậc thạc sỹ ngành CTXH gồm có: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội (là đơn vị đầu tiên đào tạo thạc sỹ CTXH vào năm 2011) và Học viện Khoa học Xã hội Việt Nam. Những trường đại học này đều nằm trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng - khu vực trọng điểm trong đào tạo nguồn nhân lực.

Như vậy, cùng với sự phát triển của giáo dục đào tạo, đội ngũ NVXH được đào tạo bài bản cũng sẽ trở nên chuyên nghiệp hơn. Họ có hệ thống phương pháp, lý luận vững chắc, đồng thời được tiếp cận với những tri thức trên thế giới, do đó việc trợ giúp sẽ trở nên hiệu quả, tích cực và đúng hướng hơn. Đồng thời, NVXH chuyên nghiệp cũng là nguồn nhân lực quan trọng tham gia vào việc vận động, xây dựng, biện hộ và thực hiện những chính sách ASXH quốc gia.

Sự tác động của công nghệ tới CTXH.

Những thành tựu công nghệ đã giúp ích rất nhiều cho cuộc sống của con người, tiết kiệm thời gian, công sức và mở rộng cơ hội làm việc, học tập cũng như giao lưu, hội nhập cho những người dân sống trong một đất nước đang phát triển như Việt Nam. Đồng thời, công nghệ cũng tác động tới sự phát triển của mỗi ngành nghề, trong đó có CTXH:

Thứ nhất, công nghệ giúp cho công việc của NVXH được thuận tiện và nhanh chóng hơn, đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu của người dân. Điều này được thể hiện theo hai chiều. *Chiều thứ nhất* về sự tiếp cận của người dân với dịch vụ dựa trên sự phát triển của hệ thống dữ liệu trên internet ngày càng trở nên phổ biến và rất hiện đại. Các tổ chức cung cấp dịch vụ đều có website, trang mạng xã hội riêng, hoặc đăng ký thông tin trên các trang dịch vụ chung. Vì thế khi người dân có nhu cầu tìm kiếm dịch vụ phù hợp với nhu cầu của mình, họ có thể click vào những trang tin đó và lựa chọn loại hình dịch vụ phù hợp. Điều này rất thuận tiện và nhanh chóng. *Chiều thứ hai* về sự đáp ứng từ phía NVXH cung cấp dịch vụ. Nếu như trước đây việc trợ giúp chỉ có một hình

thức duy nhất là gặp mặt trực tiếp, thì nay các dịch vụ tham vấn cá nhân có thể được thực hiện thông qua điện thoại hoặc trực tuyến qua internet. Đây là những hình thức khá phổ biến trong thời đại công nghệ ngày nay. Tuy nhiên, nếu so sánh về hiệu quả giữa các hình thức này thì các nhà chuyên môn vẫn khuyến cáo sử dụng can thiệp trực tiếp thông qua gặp mặt.

Thứ hai, công nghệ giúp cho việc duy trì và phát triển mạng lưới CTXH và ASXH được thuận lợi hơn. Mạng lưới có thể mở rộng khắp cả nước và nước ngoài chứ không chỉ hạn chế trong khu vực Đồng bằng Sông Hồng. Yếu tố quan trọng để các mạng lưới duy trì được thường xuyên chính là sự liên lạc. Với công nghệ hiện đại như ngày nay, việc duy trì liên lạc, chia sẻ tài liệu, trao đổi chuyên môn trở nên vô cùng thuận tiện. Đồng thời, việc kêu gọi tài trợ và hợp tác với các đối tác khác ngoài mạng lưới cũng rất dễ dàng với nhiều phương tiện khác nhau. Không chỉ có thuận lợi nhờ công nghệ trong liên lạc, mà việc di chuyển, đi lại cũng rất thuận tiện nhờ phát triển công nghệ trong giao thông vận tải, tạo nên sự giao lưu, trao đổi nhân lực giữa các vùng; hoặc can thiệp với những cộng đồng vùng khó khăn, vùng sâu vùng xa; ngoài ra trong những tình huống khẩn cấp cần di chuyển thân chủ từ nơi này đến nơi khác, ví dụ các đối tượng bệnh nhân chuyển tuyến hoặc

Thứ ba, công nghệ giúp người dân hiểu rõ hơn về nghề CTXH và vai trò của NVXH - được coi là còn mới mẻ ở Việt Nam. Mới chỉ cách thời điểm hiện tại khoảng 8 năm về trước, khi nhắc đến CTXH, đa phần người dân đều không hiểu CTXH là gì. Trong nhận thức của cộng đồng, CTXH chỉ là những hoạt động từ thiện, tình nguyện hoặc là những hoạt động đoàn thể như vẫn thấy từ trước đến giờ. Hoàn toàn chưa có khái niệm về CTXH chuyên nghiệp trong nhận thức của cộng đồng. Học sinh phổ thông khi lựa chọn ngành thi đại học cũng không hiểu CTXH là ngành học gì. Những học sinh ở các khu đô thị phát triển có thể truy cập internet để tìm kiếm thông tin, nhưng kết quả không có nhiều dữ liệu nói về CTXH và thông tin cũng chưa rõ ràng, chính xác. Đó chính là những khó khăn trong quá khứ. Ngày nay công nghệ phát triển, hệ thống dữ liệu cập nhật và phong phú hơn, số người có thể tiếp cận được với công nghệ hiện đại hơn, vì thế hạn chế được tình trạng lựa chọn trường thi, ngành học một cách qua quýt, đại khái. Cho đến nay, phần người học đã hiểu rõ về CTXH trước khi bước vào học tập chính thức. Từ đó phát huy tốt hơn

vai trò cũng như khả năng của bản thân, góp phần làm cho nghề CTXH phát triển tốt hơn trong việc đáp ứng an sinh nói chung. Điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là vai trò của công nghệ trong việc truyền thông tới cộng đồng để người dân hiểu được về các dịch vụ CTXH, từ đó họ sẽ chủ động hơn trong tìm kiếm trợ giúp. Người dân sẽ chỉ sử dụng dịch vụ khi người ta có đầy đủ thông tin và hiểu biết về dịch vụ đó.

Nhìn chung, giáo dục và công nghệ luôn đóng một vai trò quan trọng và thiết yếu đối với sự phát triển của một xã hội nói chung và trong từng ngành nghề nói riêng. Chúng giúp cho CTXH được biết đến nhiều hơn, việc phát huy vai trò cũng trở nên thuận tiện hơn nhờ có đội ngũ NVXH được đào tạo bài bản, chuyên nghiệp và đúng với nguyện vọng, năng lực, sở trường. Đồng thời giáo dục và công nghệ cũng rất hữu ích trong việc duy trì và phát triển hệ thống mạng lưới nghề, đó là một nguồn lực vô cùng to lớn giúp cho CTXH thực hiện vai trò trợ giúp của mình được hiệu quả nhất. Từ đó cũng góp phần vào nền an sinh nói chung.

5. Tác động của truyền thống văn hóa, đạo đức, quản lý xã hội

Nền kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, cũng như sự phát triển của giáo dục và công nghệ đã tạo nên những thay đổi đáng kể đối với CTXH Việt Nam. Song không thể không kể đến những tác động của truyền thống văn hóa, đạo đức và quản lý xã hội của nước ta. Những tác động này có ở cả hai khía cạnh tích cực và hạn chế. Theo kết quả khảo sát của Đề tài tại địa bàn Hưng Yên cho thấy: có tới 70,4% người được hỏi cho rằng yếu tố phong tục tập quán có ảnh hưởng lớn và rất lớn đến CTXH; 25,9% cho rằng ít ảnh hưởng và chỉ 3,7% cho là không ảnh hưởng. Điều đó cho thấy nhận thức của các NVXH về sự tác động này rất rõ ràng.

Những biến đổi trong gia đình tạo ra các vấn đề cần can thiệp CTXH

Dưới sự tác động của kinh tế - xã hội, đặc biệt trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay, gia đình Việt Nam đang có những biến đổi nhất định. Những biến đổi ấy được thể hiện trên những chiều cạnh:

Về quy mô, cơ cấu gia đình đang ngày càng thiên về gia đình hạt nhân thay vì gia đình mở rộng. Theo kết quả Điều tra gia đình Việt Nam 2006, các gia đình hạt nhân chiếm 63,4% trên tổng số các gia

đình ở cả nước. Con số này là minh chứng cho thấy sự biến đổi về cơ cấu gia đình ở Việt Nam.

Các chức năng của gia đình đã có nhiều biến đổi. *Chức năng kinh tế* thay đổi theo xu hướng cá nhân hoá các nguồn thu nhập của các thành viên trong gia đình. Hầu hết các gia đình đều có sự tham gia của cả vợ và chồng trong việc thực hiện chức năng kinh tế gia đình. *Về chức năng sinh sản và chăm sóc sức khoẻ gia đình*: Thay vì quan tâm đến số con thì mối quan tâm của các gia đình bây giờ là làm sao để chăm sóc, nuôi dạy con cái được tốt hơn và tốt nhất. Quan niệm về sinh con trai cũng không còn gay gắt như trước kia (Trịnh Thị Quang, 2006). *Về chức năng giáo dục*: Nhưng ngày nay một phần chức năng này được chuyển giao sang cho xã hội đảm nhận. Gia đình không chỉ giáo dục trẻ ở tại gia đình mà còn có nhiệm vụ phối hợp với nhà trường và xã hội để có môi trường giáo dục tốt nhất cho trẻ. Song nhiều gia đình mãi mê kiếm tiền nên đã buông lỏng việc kiểm soát con cái, phó mặc cho nhà trường. Sự xuống cấp của môi trường xã hội và sự sai lệch giá trị chuẩn mực trong các gia đình ngày càng có tác động lớn đến thế hệ trẻ. *Về chức năng tâm lý-tinh cảm*: nhiều gia đình đã chuyển giao việc chăm sóc người cao tuổi sang cho các dịch vụ. Điều đó không có nghĩa họ không quan tâm tới ông bà cha mẹ mình, họ vẫn thường xuyên thăm nom, sợi dây gắn bó tình cảm vẫn duy trì thân thiết, nhưng hình thức quan tâm chăm sóc cha mẹ, ông bà đã có sự thay đổi. Khía cạnh về hôn nhân được dựa trên tình thân tự nguyện gắn kết giữa hai bên. Các gia đình quan tâm đến chăm sóc tinh thần cho các thành viên hơn

Biến đổi mối quan hệ và vai trò của các thành viên trong gia đình. Ngày nay vì các bậc phụ huynh quá bận bịu với công việc, thời gian chăm sóc và gần gũi con cái bị thu hẹp lại, mặt khác trẻ em phải đến trường và tham gia các lớp học quá nhiều (đặc biệt ở thành thị), do đó thời gian tương tác giữa cha mẹ và con cái bị giảm bớt. Quan hệ mẹ chồng - nàng dâu trở nên ôn hòa hơn. Quan hệ vợ chồng trong gia đình bình đẳng hơn, đặc biệt về vai trò kinh tế. Quan điểm bảo thủ và gia trưởng cũng hạn chế đi nhiều.

Từ những biến đổi này trong gia đình đã dẫn đến những tác động đối với CTXH như sau:

Thứ nhất: Gia đình là đối tượng can thiệp của CTXH, nên những vấn đề nảy sinh từ gia đình cũng là những vấn đề mà CTXH phải can thiệp: sự rạn

nứt trong quan hệ của các thành viên trong gia đình; ngoại tình, ly hôn; bạo lực gia đình; sự phát triển sai lệch trong nhân cách của trẻ; xung đột vai trò, liên vai trò; các vấn đề liên quan đến tâm lý của các thành viên trong gia đình đặc biệt người cao tuổi và nhiều vấn đề khác nảy sinh từ những biến đổi cơ cấu, chức năng của gia đình. Với những phương pháp và kỹ năng chuyên môn, CTXH tham gia trợ giúp gia đình một cách chuyên nghiệp, giải quyết những vấn đề của gia đình nảy sinh từ sự biến đổi đó. Liệu pháp gia đình là một trong những liệu pháp đã chứng minh được tính hiệu quả trong can thiệp CTXH.

Thứ hai: Lý thuyết hệ thống chỉ rõ, gia đình là một hệ thống tự nhiên - hệ thống phi chính thức, có tác động rất lớn đến đối tượng. Vì thế biến đổi gia đình sẽ tác động đến phương pháp, cách thức can thiệp của CTXH. Cụ thể như sau:

Khi hình thức gia đình truyền thống chuyển sang hình thức gia đình hạt nhân (gia đình hai thế hệ), tức ông bà và cháu không sống cùng với nhau. Thêm vào đó thời đại công nghiệp hóa đã cuốn con người theo vòng xoáy công việc. Vì vậy, mức độ gắn kết và ảnh hưởng giữa các thành viên trong một số gia đình bị giảm sút. Sự phân tán công với thời gian eo hẹp khiến cho các thành viên khó có thể tương tác với nhau hơn. Đây sẽ là một trở ngại đối với NVXH khi lập lịch trình làm việc với các thành viên trong hệ thống gia đình và tổ chức thảo luận gia đình để hỗ trợ thân chủ.

Chức năng giáo dục của gia đình đối với trẻ em đang chuyển giao sang nhà trường. Chức năng chăm sóc trẻ cũng được nhiều gia đình chuyển giao cho người giúp việc. Như vậy, đối với can thiệp cho trẻ em, NVXH thay vì chỉ làm việc với gia đình trẻ, thì cần liên kết giữa nhà trường, gia đình và cả người chăm sóc. Sự tham gia cùng lúc của những hệ thống này sẽ đem lại hiệu quả tích cực hơn cho quá trình giải quyết vấn đề.

Giá trị truyền thống của người Việt Nam (từ thiện, nhân đạo) tác động đến việc xây dựng chính sách, nguồn lực và sự huy động nguồn lực cũng như cách thức thực hiện chính sách.

Trước hết giá trị truyền thống tác động đến CTXH trong vai trò hoạch định và biện hộ chính sách ASXH. Những chính sách an sinh mà nước ta xây dựng đều hướng đến mục đích nhân đạo, tạo cơ hội cho những nhóm yếu thế trong xã hội. Song, để có thể đưa ra được những chính sách thực sự sát và cần thiết với nhu cầu thực tiễn cần đến một bộ phận nhân sự

đảm nhận việc khảo sát, đánh giá nhu cầu. CTXH chính là bộ phận quan trọng đảm nhận vai trò này, để từ đó có những tư vấn biện hộ giúp cho chính sách được xây dựng và hoàn thiện hơn, thiết thực hơn đối với người dân.

Trong giai đoạn huy động nguồn lực thực hiện chính sách, tinh thần nhân đạo của cộng đồng cũng là một thuận lợi vô cùng to lớn. Đa phần các nguồn lực (tài chính, vật chất, nhân lực) được huy động tham gia vào các trợ giúp CTXH chủ yếu đến từ các cá nhân, tổ chức có điều kiện tốt và sẵn sàng giúp đỡ. Dĩ nhiên, đi liền với tinh thần đó cũng là những lợi ích mà phía cung cấp nguồn lực sẽ được hưởng từ việc trợ giúp này. Song nhìn chung, sự kết hợp đó đã mang lại những lợi ích trợ giúp kịp thời và hiệu quả cho cộng đồng.

Tuy nhiên, điểm cần lưu ý và cân nhắc khi thực hiện vai trò trợ giúp chuyên nghiệp là sự kiểm soát ảnh hưởng của thói quen trợ giúp mang tính từ thiện lâu nay. NVXH chuyên nghiệp khi thực hiện vai trò của mình cần phân biệt được sự trợ giúp mang tính từ thiện khác với trợ giúp chuyên nghiệp, từ đó biết cách điều hòa để kết hợp hài hòa hơn lợi thế của những giá trị trên.

Sự hòa quyện giữa đạo đức xã hội - đạo đức nghề - đạo đức cá nhân và những vấn đề nhạy cảm đạo đức.

NVXH mang trong mình cả đạo đức xã hội, đạo đức cá nhân và ngoài ra, họ phải tuân thủ nghiêm ngặt đạo đức nghề nghiệp của mình. Vậy, những đạo đức này có mâu thuẫn với nhau không? Những giá trị đạo đức này không hề mâu thuẫn với nhau. Song điểm mâu thuẫn ở đây chính là những thói quen trợ giúp truyền thống và trợ giúp chuyên nghiệp. Chính điều này tạo nên những tình huống nhạy cảm đạo đức trong quá trình thực hiện vai trò của NVXH. Một số những nhạy cảm đạo đức tiêu biểu như sau:

✓ *Về tính bảo mật:* giữ bí mật cho người khác dường như không phải là một thói quen cố hữu của mỗi người. Đôi khi họ không ý thức được những điều mà mình nói ra về vấn đề của người khác sẽ gây ảnh hưởng như thế nào đối với họ. Vì vậy, những tình huống bất trắc có thể xảy ra. Nhưng, đối với người làm nghề CTXH, tính bảo mật là một trong những nguyên tắc nghiêm ngặt bắt buộc phải tuân theo. Như vậy, một người khi bắt đầu bước chân vào nghề cần học được cách giữ bí mật để không gây hại cho thân chủ mà họ can thiệp.

✓ *Về quyền tự quyết:* người trợ giúp không chuyên

thường đưa ra lời khuyên cho người cần giúp đỡ. Những từ thể hiện lời khuyên thường là “nên”, “phải”... Nhưng đối với trợ giúp chuyên nghiệp thì lời khuyên là điều cần tránh. Thay vào đó NVXH khuyến khích quyền tự quyết của thân chủ bằng cách phát hiện và phát huy được khả năng của họ để họ có thể tự đương đầu được với vấn đề của bản thân.

✓ *Về mối quan hệ trợ giúp:* thói quen của chúng ta trong xã hội Việt Nam thường tìm đến sự trợ giúp của những người thân quen khi gặp khó khăn trong cuộc sống, thay vì tìm đến những trợ giúp chuyên nghiệp như phương Tây. Điều này cũng là một cản trở lớn đối với việc thực hiện vai trò và sứ mệnh của CTXH. Mặt khác, những mối quan hệ thân quen đôi khi sẽ không mang đến những trợ giúp hiệu quả. Vì thế, trong quy điều đạo đức của CTXH tuyệt đối nghiêm cấm NVXH có mối quan hệ đa chiều với thân chủ mà họ đang can thiệp.

Ngoài ra còn nhiều những vấn đề nhạy cảm đạo đức khác nảy sinh, xuất phát từ mâu thuẫn giữa thói quen giúp đỡ thông thường và sự trợ giúp chuyên nghiệp. Vì vậy, nhân viên CTXH cần nhận thức được những điều này để có cách ứng phó phù hợp.

Nhận thức của những người quản lý xã hội sẽ tác động thuận lợi hay khó khăn đối với NVXH trong việc thực hiện vai trò.

Những nhà lãnh đạo, quản lý có vai trò rất quan trọng, quyết định sự phát triển của một nghề. Kể từ khi có sự ra đời của Đề án 32, CTXH đã được biết đến nhiều hơn và phát triển mạnh mẽ hơn: nhiều trung tâm CTXH được thành lập, nhiều mô hình can thiệp hiện đại được triển khai, những người làm CTXH cũng được quan tâm hơn trước đây và nhiều những thay đổi tích cực khác. Điều đó chứng minh được tính chất quan trọng của đội ngũ lãnh đạo. Nếu họ nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của CTXH thì sẽ đầu tư nhiều hơn cho các dịch vụ CTXH; tiếp thu những tư vấn của CTXH trong việc xây dựng và thực thi chính sách ASXH, và ngược lại.

Đối với khu vực Đồng bằng Sông Hồng - một trong những khu vực phát triển hàng đầu cả nước, nhận thức của đội ngũ lãnh đạo về vai trò CTXH khá rõ ràng. Họ cũng đã có nhiều giải pháp góp phần vào phát triển nghề trong từng giai đoạn. Đây là một tác động thuận lợi vô cùng lớn, tạo đà cho sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của CTXH sau này.

Theo số liệu từ khảo sát tại địa bàn Hưng Yên cho thấy: 67,3% người được hỏi (là nhà quản lý và NVXH) đánh giá CTXH có vai trò rất quan trọng đối

với đảm bảo ASXH; 32,7% cho rằng quan trọng và không có ai cho rằng CTXH không quan trọng đối với ASXH. Xuất phát từ nhận thức đúng đắn này, CTXH sẽ phát triển hơn nữa trong những giai đoạn tiếp theo.

Kết luận

Những yếu tố kinh tế thị trường, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, cũng như sự phát triển của giáo dục, công nghệ cùng với các giá trị truyền thống và quản lý xã hội đã tạo nên những tác động và thay đổi đáng kể đối với đời sống của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam. ĐBSH nằm trong sự tác động chung đó. Những yếu tố này tác động đến xã hội theo nhiều chiều cạnh khác nhau bao gồm cả tích cực và hạn chế. Song chính từ những những vấn đề nảy sinh đó đòi hỏi CTXH phải tích cực phát huy vai trò của mình để giải quyết các vấn đề này một cách hiệu quả, từ đó góp phần đảm bảo an sinh.

Đồng thời, ngoài những tác động gián tiếp kể trên, các yếu tố này còn tác động trực tiếp, giúp cho CTXH nói chung và vai trò của NVXH nói riêng trong việc đảm bảo ASXH ngày càng trở nên chuyên nghiệp hơn để đáp ứng các thách thức đặt ra trong bối cảnh hiện nay. Với tiến trình chuyên nghiệp hóa theo xu thế chung của thế giới, kết hợp với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, CTXH đã, đang và sẽ còn có nhiều hơn nữa những đóng góp to lớn cho nền ASXH chung của quốc gia và khu vực ĐBSH nói riêng. □

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Thị Thu Hà. 2013. Đổi mới CTXH trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế: lý luận và thực tiễn. NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Thanh Trà, Hồ Thị Lam Trà. 2013. Ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống, việc làm của người nông dân huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên, *Tạp chí Khoa học và Phát triển* 2013, tập 11, số 1 (tr59-67).
3. Trịnh Thị Quang. 2006. Mấy vấn đề về quá trình chuyển hóa và biến đổi của gia đình Việt Nam hiện nay. In trong cuốn “Gia đình Việt Nam - quan hệ, quyền lực và xu hướng biến đổi”, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. (tr276-279).
4. Quyết định 32/2010/QĐ-TTg ngày 25/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt đề án Phát triển Nghề CTXH tại Việt Nam giai đoạn 2010- 2020, mục các giải pháp của Đề án.
5. Tổng cục Thống kê. 2013. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo vùng. Truy cập từ <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=714>